

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06/10/2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Thanh.
2. Bà Chung Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp R, xã TY, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 212, Tổ 3, ấp RN, xã TY, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều M trình bày: Chị M và anh Châu Văn T chung sống với nhau, được UBND xã TY, thị

xã HT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng hay bất đồng ý kiến, sống không hòa hợp. Chị M đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi bản thân. Cuối năm 2014, chị M đã dọn về ở cùng chị ruột tại ấp R, xã TY, thị xã HT. Từ đó, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai hỏi han, chăm sóc cho nhau. Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh T, nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M và anh T có với nhau 03 đứa con chung lần lượt tên Châu Bá T, sinh ngày 21/11/2003, giới tính nam; Châu Phú C, sinh ngày 09/6/2005, giới tính nam và Châu Mỹ L, sinh ngày 10/11/2006, giới tính nữ. Hiện nay, hai con C và L đang do chị M chăm sóc, còn BT đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi C và L đến tuổi trưởng thành, giao BT cho anh T trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Châu Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không đến Tòa và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 19/9/2017, anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa và thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị M.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Một giấy trích lục kết hôn giữa chị M và anh T (bản sao); Ba giấy khai sinh của con chung tên Châu Bá T, Châu Phú C, Châu Mỹ L (bản sao) và các giấy tờ về nhân thân của chị M (bản phô tô).

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kiều M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu Văn T. Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Châu Văn T có nơi cư trú tại ấp RN, xã TY, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy trích lục kết hôn số 98/TLKH-BS ngày 11/4/2017 của UBND xã TY, thị xã HT và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Châu Văn T có quan hệ hôn nhân, được UBND xã TY, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2003 (số 20 ngày 04/9/2003), nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương của chị M và anh T sinh sống tại ấp RN, xã TY, thị xã HT thể hiện giữa anh, chị thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và được địa phương tổ chức hòa giải 02 lần, nhưng giữa anh, chị vẫn không chung sống hòa hợp được. Qua xác minh và tham khảo ý kiến của bà Chung Bích Th (mẹ ruột anh T) thể hiện sự mâu thuẫn hôn nhân giữa chị M và anh T đã tồn tại trong một thời gian dài; chị M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cách nay 3-4 năm và không còn chung sống với anh T. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục. Anh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa và thể hiện ý kiến. Trong đơn xin vắng mặt đề ngày 19/9/2017, anh T có thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị M. Điều này chứng tỏ anh T không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị M. Giữa chị M và anh T không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Chị M và anh T có với nhau có với nhau 03 đứa con chung lần lượt tên Châu Bá T, sinh ngày 21/11/2003, giới tính nam; Châu Phú C, sinh ngày 09/6/2005, giới tính nam và Châu Mỹ L, sinh ngày 10/11/2006, giới tính nữ. Chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai cháu C và L đến tuổi trưởng thành, giao cháu BT cho anh T trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Xét thấy anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hiện nay, hai cháu C và L đang do chị M chăm sóc, còn cháu BT đang ở cùng anh T. Do các cháu đều trên 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của các cháu. Theo đó, hai cháu C và L có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, còn cháu BT có nguyện vọng muốn sống cùng với cha. Qua xác minh tại địa phương thể hiện chị M và anh T đều có điều kiện nuôi con như nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc giao cháu C và cháu L cho chị M trực tiếp nuôi, giao cháu BT cho anh T trực tiếp nuôi, phù hợp nguyện vọng của các cháu và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị M, anh T cùng các thành viên gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị M và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều M được ly hôn với anh Châu Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cháu Châu Phú C, sinh ngày 09/6/2005, giới tính nam và Châu Mỹ L, sinh ngày 10/11/2006, giới tính nữ cho chị Nguyễn Thị Kiều M trực tiếp nuôi; giao cháu Châu Bá T, sinh ngày 21/11/2003, giới tính nam cho anh Châu Văn T trực tiếp nuôi. Ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Chị M, anh T cùng các thành viên gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001191 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Kiên Giang, chị M không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tx. HT;
- Chi cục THADDs Tx. HT;
- UBND xã TY, HT-KG;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

Tạ Chí Dũng